

Bản án số: **179** /2022/HS-ST  
Ngày: 29/4/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hà V

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Lành

Bà Thiều Thị Phi Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký TAND thành phố B.

**- Đại diện VKSND thành phố B tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở TAND thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1998, tại tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Con ông: Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1978; Con bà: Nguyễn Thị V, sinh năm 1979; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 11/6/2021, chuyển tạm giam theo lệnh số 817 ngày 18/6/2021, của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa.

**2. Nguyễn Nhựt Tr**, sinh ngày 05/4/2004 tại Đồng Nai; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; Con bà: Lu Thị Hoàng Y, sinh năm 1982; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

*Người bào chữa theo chỉ định:* Bà Nguyễn Thị Lan – trợ giúp viên pháp lý  
Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai

**3. Lê Bá Th**, sinh ngày 08/8/2003 tại Đồng Nai; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Con ông: Lê Bá T, sinh năm 1968; Con bà: Ngô Thị L, sinh năm 1968; Bị cáo không có anh em và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú

*Người bào chữa theo chỉ định:* Bà Nguyễn Ngọc Huyền – trợ giúp viên pháp lý Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai

**4. Huỳnh Hồng P**, sinh ngày 21/4/2005 tại Đồng Nai; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Con ông: Huỳnh Thanh S, sinh năm 1981; Con bà: Huỳnh Thị Hồng Ph, sinh năm 1983; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm 1981 và bà Huỳnh Thị Hồng Phấn, sinh năm 1983. Cùng cư trú: khu phố 5, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

*Người bào chữa theo chỉ định:* Bà Hoàng Minh Thư – trợ giúp viên pháp lý Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai.

**- Bị hại:**

Anh Trương Lê Thanh L, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976

2/ Bà Lu Thị Hoàng Y, sinh năm 1982.

Cùng cư trú: khu phố 5, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

3/ Ông Lê Bá T, sinh năm 1968

4/ Bà Ngô Thị L, sinh năm 1965.

Cùng cư trú: khu phố 5, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5/ Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1978.

6/ Nguyễn Thị V, sinh năm 1979

Nơi cư trú : khu phố 3, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**- Người làm chứng:** Anh Hồng Anh K, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Số I35, khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai  
(Các bị cáo có mặt, bị hại vắng mặt, ông T, bà Y, bà L, ông Đ có mặt, bà V, ông T vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 04/3/2021, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Nhựt Tr, Lê Bá Th, Huỳnh Hồng P và một số người khác ngồi uống nước tại quán vỉa hè trên đường Huỳnh Văn Nghệ gần ngã tư B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thì Trương Thanh Sơn L (Bơ) – sinh năm 1994, ngụ tại 62/69/31, khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa điều khiển xe mô tô đi ngang qua có nẹt pô xe nên nhóm T có lời qua tiếng lại với L. L bỏ đi, một lúc sau L quay lại cùng với Tiền và Khánh (Không rõ lai lịch, địa chỉ) đuổi đánh nhóm T nhưng nhóm T bỏ chạy thoát nên không đánh được ai.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 05/03/2021, T, Th, Tr, P, Hồng Anh K và Tiền (Chưa rõ lai lịch, địa chỉ) đang phát cỏ vườn cho nhà T ở khu phố 2, phường B thì T phát hiện L đang điều khiển xe mô tô chở anh Tràng (Không rõ lai lịch, địa chỉ) đi trên đường nên chỉ cho Tr, P, Th biết. Tr nói: “Chơi nó không?” thì T, P và Th đồng ý. T, Tr, Th mỗi người cầm 01 (Một) dao phát cỏ dài khoảng 80cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại rồi cùng với P chạy lên đường chặn trước hướng đầu xe của L. Thấy vậy, anh Tràng nhảy khỏi xe của L bỏ chạy thoát, L điều khiển xe chạy đến thì bị Tr dùng chân đạp vào xe mô tô của L gây loạng choạng nhưng không té ngã. Lúc này, T dùng dao chém 01 (Một) nhát trúng hông trái của L; Tr dùng dao chém 01 (Một) nhát trúng cẳng tay trái của L; Th dùng dao chém 01 (Một) nhát trúng lưng phải của L, gây thương tích; P dùng tay đánh vào mặt L nhưng không trúng. L tiếp tục điều khiển xe chạy về phía trước. Khi này, Tr lấy xe mô tô biển số 60F3-287.49 điều khiển chở T cầm theo dao và P lấy xe mô tô biển số 60L3-0916 điều khiển chở Th cầm theo dao cùng đuổi theo L được khoảng 700m thì L dừng xe lại rồi bỏ chạy bộ vào tiệm “Nail Mai Ka” địa chỉ: E2 khu liên kế, thuộc khu phố 1, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để trốn. T, Tr, P, Th đuổi theo đến nơi thấy L chạy vào trong tiệm Nail nên kéo nhau quay về. Sau đó, L bị ngắt xiủ rồi được người dân đưa đến Bệnh viện đa K Đồng Nai cấp cứu và điều trị thương tích.

T, Tr, P, Th bỏ trốn. Đến ngày 10 và 11/6/2021, Tr, Th, P, T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số 0290/TgT/2021 ngày 27/4/2021 của Giám định viên Trung T pháp y tỉnh Đồng Nai, xác định nạn nhân Trương Thanh Sơn L bị thương tích như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tồn thương lách đã cắt toàn bộ (Áp dụng Chương 4, mục IX.4). Tỷ lệ: 31%;
- Tồn thương cơ hoành đã phẫu thuật khâu cơ hoành hiện dày dính màng phổi trái vùng đáy (Áp dụng Chương 3, mục VI.3). Tỷ lệ: 26%;
- Tồn thương rách thùy dưới phổi trái đã phẫu thuật hiện để lại mảng tổn thương dạng xơ xẹp vùng đáy phổi trái sát màng phổi (Áp dụng Chương 3, mục IV.9). Tỷ lệ: 31%;
- Tồn thương gãy xương sườn 10 bên trái (Áp dụng Chương 3, mục II.2). Tỷ lệ: 2,5%;
- Tồn thương mẻ xương trụ trái (Áp dụng Chương 7, mục III.4.4). Tỷ lệ: 01%;
- Sẹo lưng phải kích thước 10,5x0,4cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 02%;
- Sẹo cẳng tay trái kích thước 05x0,3cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 02%;
- Sẹo hông trái kích thước 24x0,3cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 02%;
- Sẹo dẫn lưu ngực bên trái kích thước 2,5x0,5cm (Áp dụng Chương 8, mục I.1). Tỷ lệ: 01%;
- Sẹo dẫn lưu ổ lách (ổ chậu trái) kích thước 01x0,5cm (Áp dụng Chương 8, mục I.1). Tỷ lệ: 01%;
- Sẹo mổ đường trắng giữa trên rốn kích thước 16x0,3cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 02%;

Kết luận: Căn cứ Th tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019, của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Trương Thanh Sơn L áp dụng theo phương pháp cộng tại Th tư là 69% (Sáu mươi chín phần trăm).

Vật gây thương tích: Vật sắc.

**Vật chứng vụ án:**

- 01 (Một) xe mô tô biển số 60F3-287.49 cùng Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Nhựt Tr. Tình trạng xe không có búng (yếm) bên trái, chắn bùn trước (dè trước) bị gãy mũi, xe không nổ máy (khởi động) được. Là xe của Tr sử dụng khi gây án.

- 01 (Một) xe mô tô biển số 60F2-667.79 của anh Lê Tấn Thành cho Trương Thanh Sơn L mượn, Cơ quan điều tra đã giao trả xe cho anh Thành.

Đối với 03 (Ba) dao phát cỏ dài khoảng 80cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, T, Tr, Th sử dụng gây thương tích cho L. Sau khi gây án, T, Tr, Th đã vứt bỏ, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không tìm được và xe mô tô biển số 60L3-0916 Huỳnh Hồng P sử dụng khi gây án là của anh Huỳnh Thanh Sơn (bố của P), anh Sơn không biết P sử dụng khi gây án nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

**Về dân sự:** Các bị cáo T, Tr, Th, P đã liên đới bồi thường cho bị hại Trương Thanh Sơn L với tổng số tiền là 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*). Anh L đã bãi nại cho các bị cáo T, Tr, Th, P.

Tại cáo trạng số 82/CT-VKSBH-HS ngày 26/01/2022 truy tố các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:**

Về quan điểm truy tố, tội danh, hình phạt đối với các bị cáo:

*1. Về quan điểm truy tố, tội danh:*

- Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Tấn T, Nguyễn Nhựt Tr, Lê Bá Th, Huỳnh Hồng P về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

*2. Về hình phạt:*

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Không  
- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường và khắc phục hậu quả. Các bị cáo ra đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134, Điều 58, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T mức án từ 07 năm – 07 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và Điều 101 Bộ luật hình sự đề nghị:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt Tr mức án từ 04 năm 06 tháng – 05 năm tù.

Xử phạt bị cáo Lê Bá Th mức án từ 04 năm – 04 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 65, Điều 101 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Hồng P mức án từ 02 năm 08 tháng – 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

**Người bào chữa cho các bị cáo:** đều thống nhất với quan điểm về tội danh và hình phạt, tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Các bị cáo

đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại, được gia đình bị hại làm đơn xin bãi nại, trong vụ án cũng có một phần lỗi của bị hại. Bị cáo T đã thực hiện xong nghĩa vụ quân sự. Bị cáo Tr, Th, P đều còn trong độ tuổi vị thành niên dưới 18 tuổi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc khi lượng hình đối với các bị cáo. Riêng bị cáo P do có nơi cư trú ổn định, đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể, nhân thân tốt đề nghị được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách để đảm bảo tính Kn hồng của Pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với bị cáo như: bị cáo đã nhận Kết luận điều tra, Cáo trạng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với bị hại là anh Trương Thanh Sơn L không yêu cầu bồi thường về dân sự. Tại phiên tòa bị hại đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V, ông T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, xét thấy việc xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Tòa án xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 05/03/2021, tại đoạn đường thuộc khu phố 2, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, do tối ngày 04/03/2021 bị Trương Thanh Sơn L đuổi đánh nên Nguyễn Tấn T, Nguyễn Nhựt Tr, Lê Bá Th và Huỳnh Hồng P có hành vi sử dụng dao phát cỏ dài khoảng 80cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại chém trúng hông trái, lưng phải và cẳng tay trái của L, gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 69% (Sáu mươi chín phần trăm).

Như vậy, hành vi của các bị cáo trong vụ án này được xem xét, đánh giá toàn diện trong các mối quan hệ với các chứng cứ khác để xác định đúng bản chất của vụ án, từ đó đã có đủ cơ sở kết luận, hành vi của các bị cáo Nguyễn Tấn T, Nguyễn Nhựt Tr, Lê Bá Th và Huỳnh Hồng P đã phạm vào tội “Cố ý gây

*thương tích*” quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã viện dẫn và truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm đến sức khỏe con người mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do vậy việc đưa ra xét xử và tuyên các bị cáo một mức hình phạt nghiêm là việc cần thiết, vừa giáo dục bị cáo, vừa răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

3.1 . Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án như sau:

Các bị cáo trong vụ án phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T là người đã trưởng thành, bị cáo là người phát hiện anh L đang điều khiển xe mô tô chở anh Trảng đi trên đường và trực tiếp chỉ cho các bị cáo khác biết, khi Tr nói “ Chơi nó không” bị cáo không can ngăn các bị cáo khác mà bản thân bị cáo còn đồng ý và là người trực tiếp cầm dao phát cỏ là hung khí nguy hiểm đuổi theo người bị hại, khi bị cáo Tr đuổi kịp dùng chân đạp xe làm anh L ngã loạng choạng bị cáo T chém một nhát vào hông anh L, gây thương tích cho anh L: tổn thương rách thùy dưới phổi, tổn thương lách phải cắt toàn bộ....Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, thương tích chính của người bị hại do bị cáo gây ra. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm, cao nhất, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm mục đích giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Đối với các bị cáo Nguyễn Nhựt Tr và Lê Bá Th đều thực hiện hành vi rất tích cực, trong đó bị cáo Nguyễn Nhựt Tr là người khởi xướng cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, và trực tiếp dùng dao chém một nhát vào cẳng tay trái anh L, bị cáo Lê Bá Th tích cực dùng dao chém một nhát vào lưng phải của anh L gây thương tích, sau khi anh L bỏ chạy các bị cáo còn cầm dao đuổi theo. Do vậy đối với hai bị cáo cần áp dụng một mức án nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo.

Đối với bị cáo Huỳnh Hồng P, tuy bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm đối với thương tích của anh L do các bị cáo T, Tr, Th gây ra, bị cáo phải chịu hình phạt phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện.

3.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: không có

3.3. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đều chưa có tiền án, tiền sự, ra đầu thú, các bị cáo đều xuất thân từ thành phần lao động, học vấn thấp, quá trình điều tra đã tác động gia đình bồi thường

chi phí điều trị cho người bị hại, được bị hại làm đơn bãi nại. Bị cáo T có thời gian tham gia quân đội. Bị cáo Tr, Th, P đều còn trong độ tuổi vị thành niên dưới 18 tuổi, trong đó bị cáo Huỳnh Hồng P khi phạm tội mới 15 tuổi 11 tháng 13 ngày. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét cân nhắc khi lượng hình đối với các bị cáo, đồng thời Hội đồng xét xử áp dụng các quy định chung về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tr, Th và P thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

Riêng bị cáo Huỳnh Hồng P thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 16 tuổi, là bị cáo nhỏ tuổi nhất, trong vụ án bị cáo có hành vi đánh vào mặt bị hại nhưng không trúng, không gây thương tích cho bị hại. Ngoài ra trong vụ án bị cáo cũng có nhận thức tích cực khi Th lấy dao đưa cho bị cáo để cùng các bị cáo khác chạy lên chặn đường đánh L nhưng bị cáo đã từ chối. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự, về nguyên tắc, việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt do đó cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật, tạo điều kiện để bị cáo tiếp tục tu dưỡng, sửa chữa sai lầm, thể hiện chính sách Kn hồng và nhân đạo của Pháp luật.

[4] Đối với Hồng Anh K và Tiến (Không rõ lai lịch, địa chỉ), quá trình điều tra K khai thấy T, Tr, Th cầm dao chạy ra đường, K và Tiến chưa biết chuyện gì nhưng vẫn chạy theo xem. Khi Tr, T, P, Th lấy xe đuổi theo L, K và Tiến không tham gia đuổi đánh. Ban đầu T, Tr, Th, P khai khi đuổi theo L thì K và Tiến cũng chờ nhau chạy theo. Sau đó, T, Tr, Th, P khai K và Tiến có mặt nhưng không chạy theo. Các bị can không rủ K, Tiến và K, Tiến không bàn bạc đi chém L. Kết quả điều tra không chứng minh được việc K và Tiến biết mưu thuận và được rủ rê hoặc cùng bàn bạc đi đánh bị hại nên chưa đủ căn cứ xác định K và Tiến là đồng phạm trong vụ án.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Các bị cáo T, Tr, Th, P đã tác động gia đình liên đới bồi thường cho Trương Thanh Sơn L với tổng số tiền là 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*). L đã bãi nại cho T, Tr, Th, P.

Tại phiên toà bà Lu Thị Hoàng Y, bà Huỳnh Thị Hồng Phấn xác định mỗi gia đình bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại với số tiền 17.500.000 đồng, ông Đ là người đứng ra nhận số tiền này và trực tiếp bồi thường cho bị hại. Tuy nhiên gia đình bà Y và bà Phấn mới đưa ông Đ 15.000.000 đồng, còn nợ lại ông Đ 2.500.000 đồng. Phía ông Đ xác nhận nhưng



ông đề nghị các bên sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đồng thời bà Lu Thị Hoàng Y, ông Nguyễn Thanh Đ, bà Ngô Thị L đều không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Nhựt Tr, Nguyễn Tấn T, Lê Bá Th phải hoàn trả lại số tiền mà gia đình các ông bà đã bỏ ra để bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 03 con dao phát cỏ là hung khí mà các bị cáo sử dụng gây thương tích cho bị hại là thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thanh Đ, sau khi gây án các bị cáo đã vứt bỏ. Ông Nguyễn Thanh Đ không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) xe mô tô biển số 60F3-287.49 cùng Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Nhựt Tr, là phương tiện Tr sử dụng vào việc phạm tội là có căn cứ.

Đối với ba con dao các bị cáo gây án không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phù hợp một phần nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[8] Xét quan điểm của các Trợ giúp viên pháp lý phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn T, Nguyễn Nhựt Tr, Lê Bá Th, Huỳnh Hồng P phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

**1. Xử phạt:** bị cáo Nguyễn Tấn T 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2021.

Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 58; Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự.

2. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Nhựt Tr 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù.

3. Xử phạt: bị cáo Lê Bá Th 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù.

Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65; Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự.

4. Xử phạt: bị cáo Huỳnh Hồng P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Huỳnh Hồng P cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Tr hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Tr hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) xe mô tô biển số 60F3-287.49 cùng Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Nhựt Tr (*Theo biên bản giao nhận vật chứng, T sản ngày 18/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai*)

6. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo luật định. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tp.B;
- Chi cục THADS tp.B;
- Bị cáo – Nhà tạm giữ
- Thi hành án hình sự;

- Bị hại;
- Lưu (3).

**Võ Thị Hà V**